KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
NHÓM TRẺ: 18 - 24 THÁNG

Lĩnh vực	Stt	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện trong tháng	ĐC BS
Phát triển thể chất	**1. Phát triển vận động**				
	a. Thực hiện phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
	1	- Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang	- Hô hấp: Tập hít thở - Tay: + Giơ cao + Đưa về phía trước + Đưa sang ngang + Đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dang sang 2 bên + Ngồi xuống đứng lên	9 -> 5 9, 1, 5 10, 2 11, 3 12, 4 9, 11, 1, 3, 5 10,12, 2, 4 9, 11, 1, 3, 5 10,12, 2, 4	
	b. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu				
	2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (Ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m	- Tập đi, chạy: + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản cao 5cm + Đi theo hướng thẳng + Đi bước qua dây + Bước lên xuống bậc có vịn + Tập bước lên xuống bậc thang	 9 11 10 3 5 4	
	3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	- Tập tung ném: + Ngồi lăn bóng bằng hai tay (Bóng to)	 10 4 2	
	4	- Trẻ biết phối hợp tay chân cơ thể trong khi bò,	- Tập bò, trườn: + Bò tới đích + Bò chui qua cổng	 12 11	

		trườn, chui qua vòng, qua vật cản	+ Bò về phía trước + Bò về phía trước có mang vật trên lưng + Trườn về phía trước + Trườn tới đích	9 1 1 2	
	5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1, 2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném + Ném bóng bằng một tay + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang (Bóng nhỏ) + Đứng ném bóng + Tung bóng qua dây (Bóng to) + Ném bóng qua dây (Bóng nhỏ)	 12 5 3 4 2	
	c. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay				
	6	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật - Đóng mở nắp có ren	9 - > 5 9 -> 5	
	7	Trẻ biết tháo lắp lồng được 3- 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 4 - 5 khối - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	10 9,10, 12 4, 5	
	2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
	a. Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt				
	8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	9 -> 5	
	9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Làm quen chế độ ngủ một giấc	9 -> 5	
	10	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + Gọi cô khi bị ướt, bị bẩn - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh	9 -> 5 9 -> 5 9 -> 5 9 -> 5	

	11	- Trẻ có cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Trẻ 18 tháng + Cân nặng bình thường: Trẻ trai: 8,8 - 13,7kg Trẻ gái: 8,1 - 13,2kg + Chiều dài bình thường: Trẻ trai: 76,9 - 87,7cm; Trẻ gái: 74,9 – 86,5cm - Trẻ 24 tháng: + Cân nặng bình thường: Trẻ trai: 9,7 - 15,3kg Trẻ gái: 9,1 - 14,8kg + Chiều dài bình thường: Trẻ trai: 81,7 - 93,9cm; Trẻ gái: 80,0 - 92,9	9 -> 5	
	b. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe				
	12	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập ngồi vào bàn ăn - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ,vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	9 -> 3 9 -> 12 9 -> 5 9 -> 5	
	c. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn				
	13	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần	9 -> 5	
	14	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh	9 -> 5	
Phát triển nhận thức	a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan:				
	15	- Trẻ sờ, nắn, nhìn, nghe…để nhận biết đặc	- Tìm đồ chơi vừa cất giấu - Nghe âm thanh và tìm ra nơi phát ra âm thanh	9 -> 5 9 -> 5	

		điểm nổi bật của đối tượng.	- Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi - Nếm vị của một số thức ăn - Sờ, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh	9 -> 5 9 -> 5 9 -> 5	
	b. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi:				
	16	- Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Bắt trước hành động đơn giản của người lớn:(Đánh răng, rửa mặt, bế em…)	9 -> 5	
	17	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Hình ảnh của bản thân trong gương - Tên một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp	9, 10 9,10 11,4	
	18	- Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	9,10	
	19	- Trẻ chỉ, lấy, nói tên đồ dùng, đồ chơi hoa, quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc - Kích thước to - nhỏ - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc	10 9 12, 2, 3	
	20	- Trẻ chỉ lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu xanh, đỏ	11,12, 1, 2, 3, 5	
Phát triển ngôn ngữ	Nghe hiểu lời nói				
	21	Nghe: - Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản như (đi đến đây, đi rửa	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc...	9 -> 5	

		tay…)	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau		
	22	- Trẻ hiểu được từ "Không": dừng hành động khi nghe "Không được lấy", "Không được sờ" …			
	23	Nói: - Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản (Ai đây, con gì đây, cái gì đây).	- Trả lời và đặt câu hỏi: Con gì? Cái gì? Làm gì?	9 -> 5	
	Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu				
	24	- Trẻ nhắc lại được các từ ngữ và câu ngắn như: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi	- Phát âm các âm khác nhau	9 -> 5	
	25	- Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ, câu chuyện	9 -> 5	
	Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp				
	26	- Trẻ nói được câu đơn giản 2 – 3 tiếng: con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm…	- Phát âm các âm khác nhau	9 -> 5	
	27	- Trẻ chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân (Cháu uống nước, cháu muốn…).	- Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng câu đơn giản	9 -> 5	
Phát triển tình	Biểu lộ sự nhận thức về bản thân				
	28	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương,	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân	9 -> 5	

cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ		trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)			
	Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi				
	29	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	- Giao tiếp với cô và bạn	9 -> 5	
	30	- Trẻ cảm nhận và biêu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh	- Biểu lộ một số trạng thái cảm xúc, vui buồn, sợ hãi khác nhau với những người xung quanh	9 -> 5	
	31	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm tới các vật nuôi	9 ->5 12	
	Thực hiện hành vi xã hội đơn giản				
	32	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ " ạ", " dạ"	9 -> 5	
	33	- Trẻ biết bắt chước một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại)	- Tập thực hiện bắt chước một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại	9 -> 5	
	34	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản như: Để đồ chơi vào đúng nơi quy định	12 -> 5	
	Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh				
	35	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ	9 -> 5	

		chân, lắc lư, vỗ tay...)	- Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc	9 -> 5	
	36	- Trẻ thích vẽ, xem tranh	- Tập cầm bút vẽ - Xem tranh	9 -> 5 9 -> 5	

BAN GIÁM HIỆU	GIÁO VIÊN 1	GIÁO VIÊN 2
(Hiệu trưởng ký duyệt)		
Vũ Thị Nhớ	Vì Thị Lan	Lò Thị Tâm

KẾ HOẠCH THÁNG NHÓM TRẺ 18 - 24 THÁNG

STT	THÁNG	THỜI GIAN	SỐ TUẦN
1	Tháng 9	Từ ngày 09/09 đến ngày 04/10/2024	4
2	Tháng 10	Từ ngày 07/10 đến ngày 01/11/2024	4
3	Tháng 11	Từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024	4
4	Tháng 12	Từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024	4
5	Tháng 01	Từ ngày 30/12 đến ngày 24/01/2025 *Nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 27/01/2025 => 31/01/2025*	4
6	Tháng 02	Từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025	4
7	Tháng 03	Từ ngày 03/03 đến ngày 28/03/2025	4
8	Tháng 04	Từ ngày 31/03 đến ngày 25/04/2025	4
9	Tháng 05	Từ ngày 05/05 => 23/05/2025	3

Người lập

Vì Thị Lan

BAN GIÁM HIỆU
(Hiệu trưởng ký duyệt)

Vũ Thị Nhớ